

Giai Đoạn 1

Bài Học

3

Tuân Thủ Biển Báo Giao Thông và Vạch Kẻ Đường



Đây là cảnh quen thuộc mà bạn có thể thấy ở bất cứ đâu.

Bức ảnh trên minh họa đường phố điển hình mà bạn có thể thấy trong thành phố nơi bạn sống. Ngoài các tòa nhà chung cư nằm dọc hai bên đường, không có gì đặc biệt “thú vị” thu hút sự chú ý của bạn, chẳng hạn như cửa hàng hoặc nhà hàng. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều thông tin quan trọng mà bạn trong vai trò người lái xe hoặc người đi xe đạp nên biết.

Cụ thể là các biển báo giao thông và vạch kẻ đường.

Nhìn vào hình ảnh và xem bạn có thể xác định được bao nhiêu yếu tố. Suy nghĩ về ý nghĩa của từng yếu tố.

▶▶▶ Xem phân tích ở trang 48.

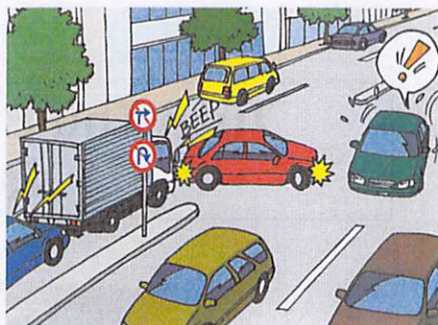
Quan Điểm

1 Các Loại Biển Báo Giao Thông và Vạch Kẻ Đường và Ý Nghĩa

1 Tuân Thủ Biển Báo Giao Thông và Vạch Kẻ Đường

Biển báo giao thông và vạch kẻ đường cho người đi bộ và người lái xe biết cách di chuyển xe, các điểm cần thận trọng và các chi tiết khác, để đảm bảo giao thông lưu thông an toàn và trơn tru.

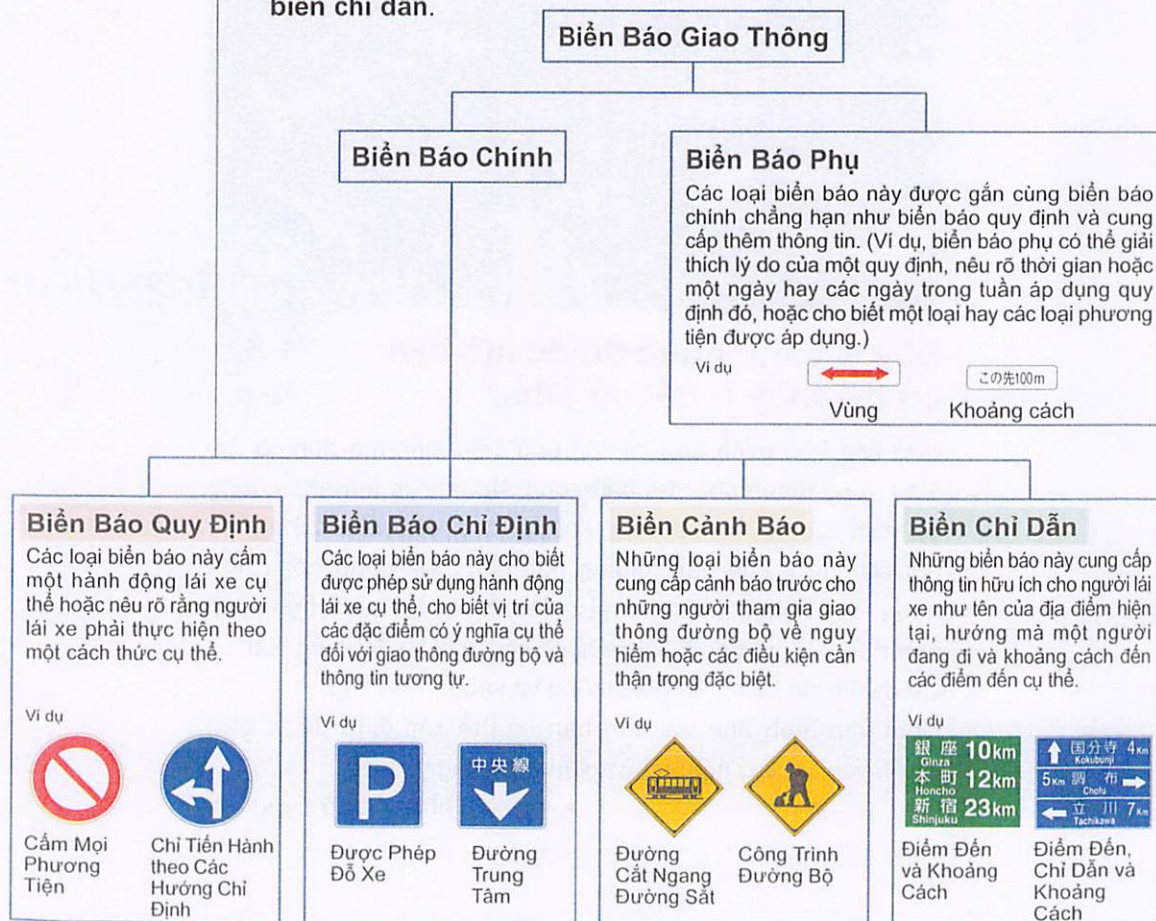
Do đó, người lái xe phải hiểu chính xác ý nghĩa của biển báo giao thông và vạch kẻ đường, chú ý không bỏ qua bất kỳ điều gì và tuân theo chúng trong khi lái xe.



2 Các Loại Biển Báo Giao Thông và Vạch Kẻ Đường

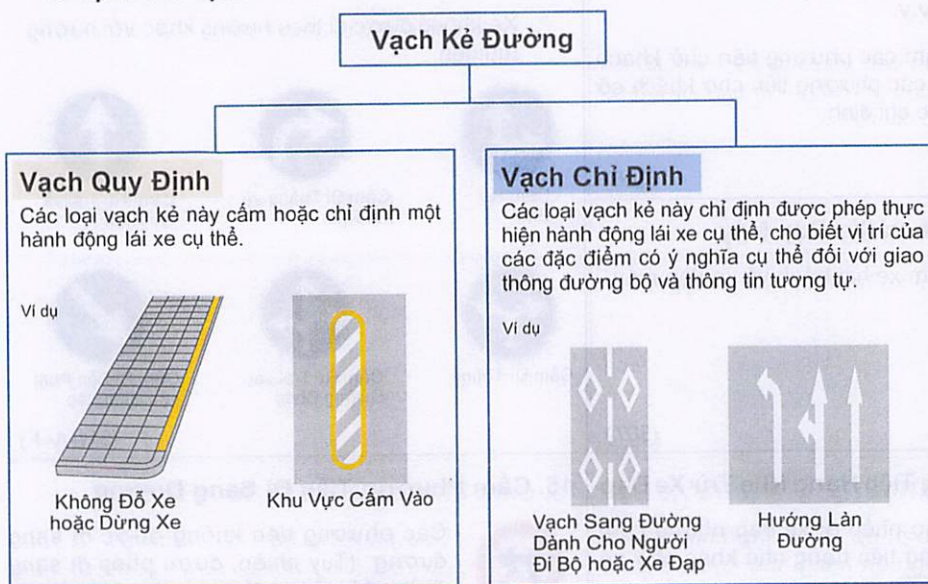
(1) Biển Báo Giao Thông

Biển báo giao thông là biển chỉ dẫn cho biết các quy định giao thông, v.v., và được phân loại thành **biển báo chính** hoặc **biển báo phụ**. Có bốn loại biển báo chính: **biển báo quy định**; **biển báo chỉ định**; **biển cảnh báo**; và **biển chỉ dẫn**.



(2) Vạch Kẻ Đường

Vạch kẻ đường là các đường kẻ, ký hiệu, chữ cái, v.v., đánh dấu trên đường bằng sơn, đinh tán, v.v. Có hai loại vạch kẻ đường: **vạch quy định** và **vạch chỉ định**.



3 Các Loại Biển Báo Giao Thông và Vạch Kẻ Đường và Ý Nghĩa

Các loại biển báo giao thông và vạch kẻ đường và ý nghĩa được liệt kê dưới đây.

① Biển Báo Quy Định

1. Đường Cấm  Đường bị cấm đối với các phương tiện và xe điện cũng như người đi bộ. (301)	4. Cấm Xe Ô Tô Trừ Xe Hai Bánh  Cấm tất cả các loại xe ô tô không phải là xe hai bánh (xe máy cỡ lớn và xe máy thông thường hoặc tương tự). (304)
2. Cấm Mọi Phương Tiện  Đường bị cấm đối với các phương tiện (ô tô, xe đạp máy và xe hạng nhẹ). (302)	5. Cấm Xe Tải Cỡ Lớn v.v.  Cấm đường đối với xe tải cỡ lớn, xe tải cỡ trung và thiết bị hạng nặng đặc biệt. (305)
3. Cấm Các Phương Tiện Đi Vào  Dán ở các vị trí như lối ra từ đường một chiều và cho biết các phương tiện không được vào từ hướng đối diện với biển báo. (303)	6. Cấm Xe Tải Chở Vượt Quá Tải Trọng Tối Đa Được Chỉ Định Trên Biển Báo  Đường cấm xe tải chở vượt quá tải trọng tối đa được chỉ định trên biển báo phụ và thiết bị hạng nặng đặc biệt.  (305-2)

7. Không Cho Phép Các Phương Tiện Chở Khách Cỡ Lớn, v.v.



Đường cấm các phương tiện chở khách cỡ lớn và các phương tiện chở khách cỡ trung được chỉ định.

(306)

8. Cấm Xe Hai Bánh và Xe Đạp Máy



Đường cấm xe hai bánh và xe đạp máy.

(307)

9. Cấm Các Phương Tiện Hạng Nhẹ Trừ Xe Đạp



Đường cho phép đi xe đạp nhưng cấm các phương tiện hạng nhẹ khác như xe đẩy và xe kéo.

(308)

10. Cấm Xe Đạp



Đường không cho phép đi xe đạp.

(309)

11. Cấm Các Xe Nhỏ Rõ



Đường cấm các loại phương tiện trên biển báo. (Trong trường hợp này, đường cấm ô tô và xe đạp máy.)

(310)

12. Không Cho Phép Đi Hai Người Trên Xe Máy Cỡ Lớn Hoặc Xe Máy Thông Thường



Cấm đi hai người trên xe máy cỡ lớn hoặc xe máy thông thường. (Không áp dụng cho xe máy có thùng.)

(310-2)

13. Cấm Các Phương Tiện Không Gắn Xích Tuyệt



Đường cấm các phương tiện không gắn xích tuyệt.

(310-3)

14. Chỉ Tiến Hành theo Các Hướng Chỉ Định

Xe không được đi theo hướng khác với hướng mũi tên.



Cấm rẽ Phải



Cấm Đi Thẳng và rẽ Phải



Cấm rẽ Trái và rẽ Phải



Cấm Đi Thẳng



Cấm rẽ Trái vào Đường Chéo



Cấm Đi Bên Phải của Biển Báo

(311-A~F)

15. Cấm Phương Tiện Đi Sang Đường



Các phương tiện không được đi sang đường. (Tuy nhiên, được phép đi sang đường khi rẽ trái để vào hoặc rời khỏi một cơ sở hoặc địa điểm nằm ngoài đường.)

(312)

16. Cấm Quay Đầu



Các phương tiện không được quay đầu.

(313)

17. Cấm Đi Vào Phần Đường Bên Phải Để Vượt Xe



Các phương tiện không được đi vào phần đường bên phải để vượt phương tiện phía trước.

(314)

18. Cấm Vượt



Các phương tiện không được vượt phương tiện phía trước.

追越し禁止

(314-2)

19. Không Đỗ Xe hoặc Dừng Xe



Các phương tiện không được đỗ hoặc dừng. (Các con số cho biết khoảng thời gian cấm đỗ xe hoặc dừng xe. Trong trường hợp này, không được phép đỗ xe hoặc dừng xe trong khoảng thời gian từ 8:00 sáng đến 8:00 tối.)

(315)

20. Cấm Đỗ Xe



Các phương tiện không được đỗ.

(316)

25. Giới Hạn Chiều Cao Tối Đa



Cấm các phương tiện có tổng chiều cao so với mặt đất (bao gồm cả chiều cao của bất kỳ loại hàng hóa nào trên xe) vượt quá giới hạn chiều cao chỉ định.

(321)

21. Chỗ Đỗ Xe Chỉ Định



Các phương tiện không được đỗ trừ khi chừa một khoảng trống ở bên phải của xe như được chỉ định trên biển báo phụ.

駐車余地6m

(317)

26. Giới Hạn Chiều Rộng Tối Đa



Cấm các phương tiện có chiều rộng (bao gồm cả chiều rộng của bất kỳ loại hàng hóa nào trên xe) vượt quá giới hạn chiều rộng chỉ định.

(322)

22. Khu Vực Đỗ Xe Có Giới Hạn Thời Gian



Biểu thị một khu vực nơi mà một phương tiện có thể đỗ liên tục đến giới hạn thời gian tối đa theo chỉ định. Các phương tiện không được phép đỗ quá thời gian quy định. (Trong trường hợp này, các phương tiện có thể đỗ tới 60 phút trong khoảng thời gian từ 8:00 sáng đến 8:00 tối.)

(318)

Những biển báo này biểu thị một khu vực đỗ xe giới hạn thời gian được trang bị đồng hồ đo thời gian đỗ xe hoặc máy phát "vé đỗ xe" (cho phép một người đỗ xe ở một vị trí được chỉ định trong một khoảng thời gian cụ thể) được đặt theo hướng chỉ định của mũi tên.



27. Giới Hạn Tốc Độ Tối Đa



Các phương tiện và xe điện không được vượt quá giới hạn tốc độ chỉ định. Tuy nhiên, các loại phương tiện sau không được vượt quá tốc độ tối đa được chỉ định cho các loại phương tiện trong Pháp Lệnh Thi Hành Luật Giao Thông Đường Bộ ngay cả khi giới hạn tốc độ chỉ định cao hơn.

- ① Xe đạp máy
- ② Các phương tiện khác ngoài xe đang kéo một phương tiện khác.

(323)

23. Cấm Các Chất Nguy Hiểm



Đường cấm các phương tiện vận chuyển các chất nguy hiểm như vật liệu dễ cháy, nổ, độc hại hoặc nguy hiểm.

(319)

28. Giới Hạn Tốc Độ Tối Đa Cho Loại Phương Tiện Được Chỉ Định Trên Biển Báo



Loại phương tiện được chỉ định trên biển báo phụ không được vượt quá giới hạn tốc độ chỉ định.

大貨等

(323-2)

24. Giới Hạn Trọng Lượng Tối Đa



Cấm xe có tổng trọng lượng (tổng trọng lượng xe, trọng lượng hàng hóa và trọng lượng hành khách) vượt quá giới hạn trọng lượng chỉ định.

(320)

29. Giới Hạn Tốc Độ Tối Thiểu



Các phương tiện không được tiến lên ở tốc độ thấp hơn tốc độ chỉ định.

(324)

30. Chỉ Dành Cho Xe Ô Tô



Chỉ rõ Đường Cao Tốc Quốc Gia hoặc đường ô tô.

(325)

36. Chỉ Rõ Làn Đường



(Các) loại phương tiện được chỉ định trên biển báo phải di chuyển trong làn đường chỉ định.

(327)

31. Chỉ Dành Cho Xe Đạp



- ① Chỉ rõ đường dành cho xe đạp hoặc đường dành riêng cho xe đạp.
- ② Cấm các phương tiện khác ngoài xe đạp thông thường và người đi bộ.

(325-2)

37. Làn Đường dành cho Các Loại Phương Tiện Cụ Thể



Xe tải cỡ lớn, xe tải hạng trung được quy định và thiết bị hạng nặng đặc biệt phải di chuyển ở làn ngoài cùng bên trái.

(327-2)

32. Chỉ Dành Cho Xe Đạp và Người Đi Bộ



- ① Chỉ rõ đường dành riêng cho xe đạp và người đi bộ và cấm các phương tiện đi lại không phải là xe đạp thông thường và người đi bộ.
- ② Chỉ rõ đường dành cho người đi bộ cho phép đi xe đạp thông thường.
- ③ Chỉ rõ đường đi bộ cho phép xe đạp thông thường.

(325-3)

38. Làn Đường dành cho Xe Kéo Trên Đường Cao Tốc Quốc Gia



Xe kéo phải di chuyển trong làn chỉ định trên biển báo.

(327-3)

33. Chỉ Dành Cho Người Đi Bộ



- ① Chỉ rõ đường dành riêng cho người đi bộ (đường chỉ người đi bộ sử dụng).
- ② Chỉ rõ lối đi dành cho người đi bộ.

(325-4)

39. Làn Đường Dành Riêng



Chỉ rõ làn đường dành riêng cho loại phương tiện được chỉ định.

(327-4)

34. Một Chiều



Các phương tiện không được phép đi theo hướng ngược lại hướng mũi tên.

(326-A•B)

40. Làn Đường Dành Riêng cho Xe Đạp Thông Thường



Chỉ rõ làn đường dành riêng cho xe đạp thông thường.

(327-4-2)

35. Đường Một Chiều Dành Cho Xe Đạp



Xe đạp không được phép đi theo hướng ngược lại hướng mũi tên.

(326-2-A•B)

41. Làn Đường Ưu Tiên Xe Buýt Theo Tuyến



Chỉ rõ làn đường ưu tiên xe buýt chạy theo tuyến.

(327-5)

42. Làn Đường Chỉ Định cho Xe Kéo trên Đường Cao Tốc



Xe kéo phải di chuyển ở làn ngoài cùng bên trái.

(327-6)

43. Chỉ Định Hướng Làn Đường

Cho biết các hướng mà xe cộ ở mỗi làn phải di chuyển từ giao lộ.



(327-7-A~D)

44. Phương Thức Rẽ Phải Hai Bước dành cho Xe Đạp Máy



Khi rẽ phải, xe đạp máy phải tiến lên dọc theo giao lộ và sử dụng phương thức rẽ phải hai bước.

(327-8)

45. Rẽ Phải Trực Tiếp dành cho Xe Đạp Máy



Khi rẽ phải, xe đạp máy phải di chuyển đến trung tâm của đường phía trước (sang bên phải của đường nếu là đường một chiều) và sử dụng phương thức rẽ phải trực tiếp.

(327-9)

46. Vòng Xuyên - Lái Xe Vòng Quanh Theo Chiều Kim Đồng Hồ



Tại vòng xuyên, các phương tiện phải lái vòng quanh theo chiều kim đồng hồ.

(327-10)

47. Đỗ Xe Song Song



Các phương tiện phải đỗ song song với lề đường.

(327-11)

48. Đỗ Xe Vuông Góc



Các phương tiện phải đỗ vuông góc với lề đường.

(327-12)

49. Đỗ Xe Chéo



Các phương tiện phải đỗ ở một góc chéo so với lề đường.

(327-13)

50. Còi Âm Thanh



Biểu thị vị trí mà các phương tiện và xe điện được yêu cầu bấm còi.

(328)

51. Khu Vực Bấm Còi



Biểu thị khu vực nơi các phương tiện và xe điện được yêu cầu bấm còi.

(328-2)

52. Giảm Tốc Độ



Các phương tiện và xe điện phải giảm tốc độ.

(329-A•B)

53. Nhường Đường



Biểu thị các phương tiện trên đường giao nhau tại giao lộ sắp tới có quyền ưu tiên và các phương tiện và xe điện phải giảm tốc độ và nhường đường cho xe.

(329-2-A•B)

54. Dừng Lại



Các phương tiện và xe điện phải dừng lại ngay trước giao lộ (nếu có vạch dừng, hãy dừng ngay trước vạch dừng).

(330-A•B)

55. Cấm Người Đi Bộ



Không cho phép người đi bộ.

(331)

56. Cấm Người Đi Bộ Sang Đường



Người đi bộ không được sang đường.

(332)

1. Được Phép Chạy Sóng Hàng



Xe đạp thông thường được phép đi sóng hàng.

(401)

8. Đường Trung Tâm



Biểu thị vị trí của trung tâm đường bộ hoặc đường trung tâm.

(406)

2. Được Phép Lái Xe Trên Đường Ray



Ô tô được phép di chuyển trên đường ray xe điện.

(402)

9. Vạch Dừng



Biểu thị vị trí của vạch dừng xe.

(406-2)

3. Được Phép Đỗ Xe Đối Với Các Phương Tiện Có Giấy Phép Đỗ Xe Cho Người Lái Xe Lâu Năm, v.v.



Chỉ những phương tiện cơ giới thông thường có giấy phép đỗ xe đặc biệt có số đăng ký (xe) mới được phép đỗ ở những khu vực theo chỉ định trên biển báo này.

(402-2)

10. Vạch Sang Đường Dành Cho Người Đi Bộ (Vạch Sang Đường)



Biểu thị vạch sang đường cho người đi bộ.

(407-A•B)

4. Cho Phép Đỗ Xe



Các phương tiện được phép đỗ.

(403)

11. Vạch Sang Đường Dành Cho Xe Đạp



Biểu thị xe đạp sang đường.

(407-2)

5. Cho Phép Dừng Xe Đối Với Các Phương Tiện Có Giấy Phép Đỗ Xe Cho Người Lái Xe Lâu Năm, v.v.



Chỉ những phương tiện cơ giới thông thường có giấy phép đỗ xe đặc biệt có số đăng ký (xe) mới được phép dừng ở những khu vực theo chỉ định trên biển báo này.

(403-2)

12. Vạch Sang Đường Dành Cho Người Đi Bộ và Xe Đạp



Biểu thị đường dành cho người đi bộ và xe đạp sang đường.

(407-3)

6. Được Phép Dừng Xe



Các phương tiện được phép dừng xe.

(404)

13. Khu Vực An toàn



Biểu thị khu vực an toàn.

(408)

7. Quyền Ưu Tiên Qua Đường



Biểu thị xe cộ lưu thông trên đường có biển báo này có quyền ưu tiên qua đường.

(405)

14. Cảnh Báo Trước



Cung cấp cảnh báo trước rằng phía trước có điều tiết giao thông.

(409-A•B)

③ Biển Cảnh Báo

1. Giao Lộ Phía Trước  (201-A)	7. Rẽ Phải (hoặc Trái)  (203)	12. Trường Học, Trường Mẫu Giáo  (208)	18. Ít Làn Đường Hơn  (211)	24. Gió Tạt Ngang  (214)
2. Đường Rẽ Phải (hoặc Trái)  (201-B)	8. Đoạn Đường Ngoằn Ngoèo Bên Phải (hoặc Trái)  (204)	13. Đèn Tín Hiệu Giao Thông  (208-2)	19. Đường Hẹp  (212)	25. Động Vật Băng Qua  (214-2)
3. Đường Giao Nhau Chữ T  (201-C)	9. Rẽ Phải (hoặc Trái) Hai Lần  (205)	14. Đường Trơn Trượt  (209)	20. Đường Hai Chiều  (212-2)	26. Nguy Hiểm Khác  (215)
4. Đường Giao Nhau Chữ Y  (201-D)	10. Đường Ngoằn Ngoèo  (206)	15. Đá Lở  (209-2)	21. Đường Dốc Lên  (212-3)	
5. Đường Vòng  (201-2)	11. Đường Cắt Ngang Đường Sắt  (207-A•B)	16. Đường Gò Ghề hoặc Sụp Lún  (209-3)	22. Đường Dốc Xuống  (212-4)	
6. Đường Cong Phải (hoặc Trái)  (202)		17. Đường Vào Trái  (210)	23. Công Trình Đường Bộ  (213)	

④ Biển Chỉ Dẫn

1. Hướng Lên Cao Tốc   (103-A•B)	7. Thông Báo Trước về Điểm Đến, Hướng Đi và Tên Đường  (108-3)	13. Điện Thoại Khẩn Cấp  (116-4)	20. Số Tuyến Đường Quận   (118-2-A~C)
2. Thông Báo Trước về Lối Vào Cao Tốc  (104)	8. Thông Báo Trước về Điểm Đến, Làn Đường và Lối Ra  (111-A•B)	14. Nơi Trú Ẩn  (116-5)	21. Số Đường Cao Tốc   (118-3)
3. Điểm Đến và Khoảng Cách   (106-A•B)	9. Điểm Đến và Lối Ra  (112-A•B)	15. Khu Đỗ Xe Khẩn Cấp  (116-6)	22. Đường Không Áp Dụng Giới Hạn Tổng Trọng Lượng Xe   (118-4-A•B)
4. Điểm Đến và Làn Đường  (107-A•B)	10. Lối Ra  (113-A•B)	16. Bãi Đỗ Xe  (117-A•B)	23. Đường Không Áp Dụng Giới Hạn Chiều Cao Xe   (118-5-A•D)
5. Thông Báo Trước về Điểm Đến và Hướng Đi  (108-A)	11. Địa Điểm Đáng Chú Ý   (114-A•B)	17. Lối Vào Làn Đường Chính từ Khu Vực Nghi Ngơi hoặc Bãi Đỗ Xe  (117-2)	24. Tên Đường    (119-A•C•D)
6. Điểm Đến và Hướng Đi  (108-2-B•E)	12. Khu Vực Nghi Ngơi và Trạm Dừng Nghi Phía Trước  (116-2-A•C)	18. Giao Thông Chậm  (117-3-A•B)	25. Đường Dốc   (123-A•C)
		19. Số Tuyến Quốc Lộ   (118-A~C)	26. Bến Xe Buýt 27. Điểm Dừng Xe Điện   (124-A, 125-A)